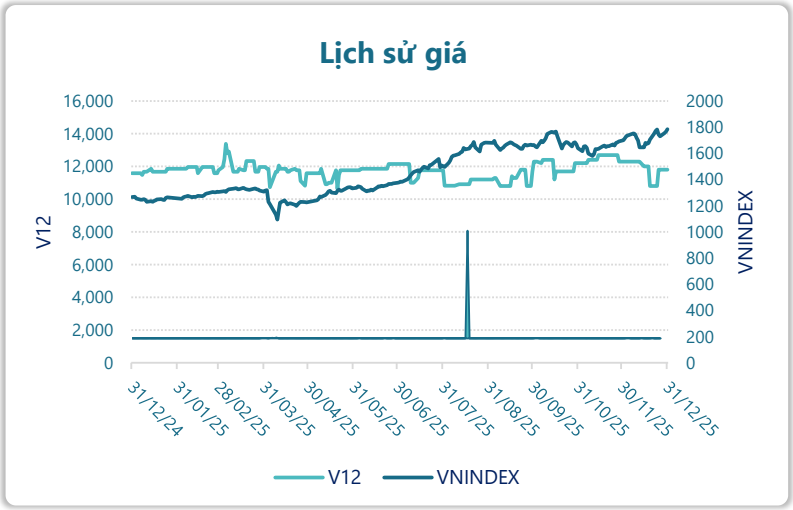
FireAnt

CTCP Xây dựng số 12 (HNX: V12)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,383
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,631
SL cổ phiếu LH	11,636,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	137
P/E	12.2
EPS	965

DT thuần

Q4/25

196

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 110| 126%

YoY: ▼2.00| -1.2%

LN sau thuế

Q4/25

3.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.38| 64.4%

YoY: ▼0.44| -11.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.3%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

551

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.0| 19.6%

LN sau thuế

2025

11.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.13| 23.9%

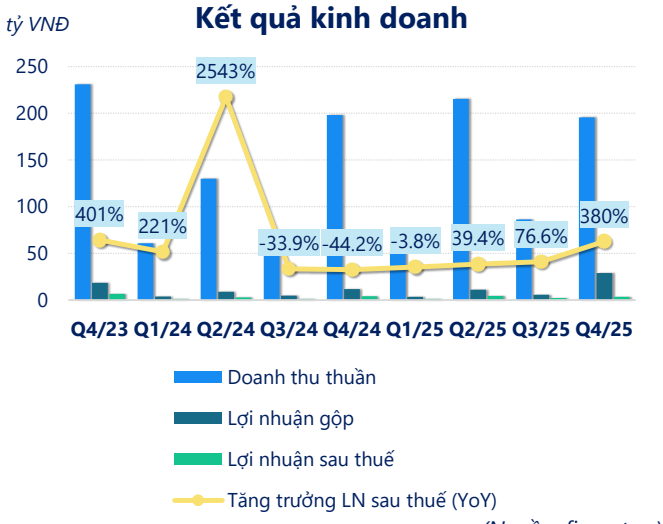
ROE

2025

6.9%

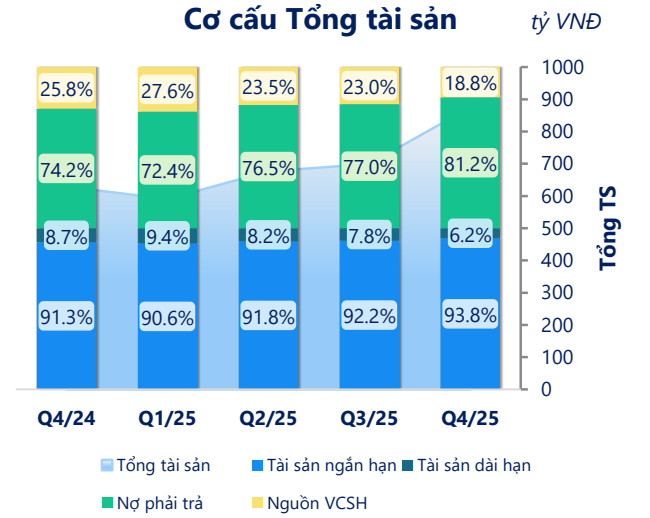
+/- YoY: ▲ 1.3%

Kết quả kinh doanh



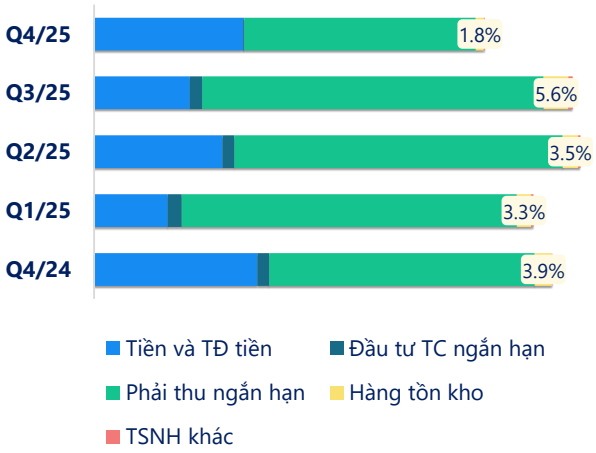
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



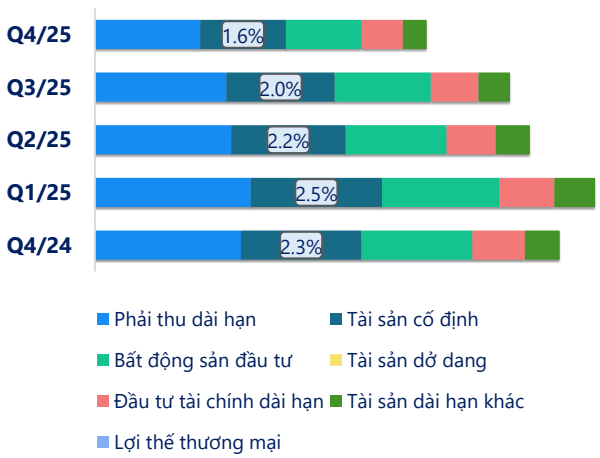
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



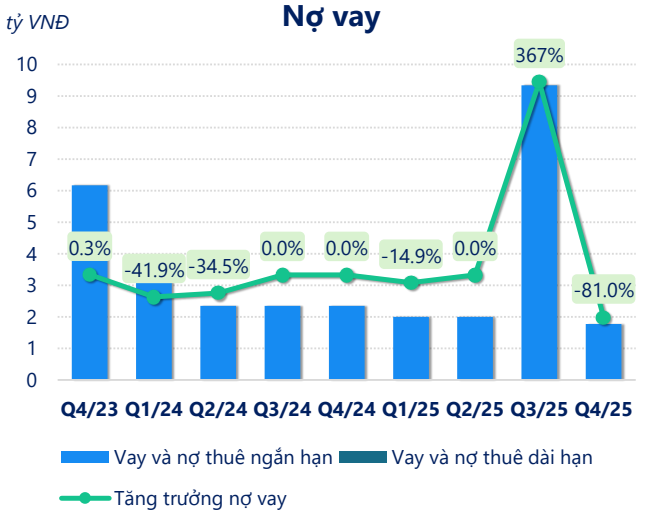
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



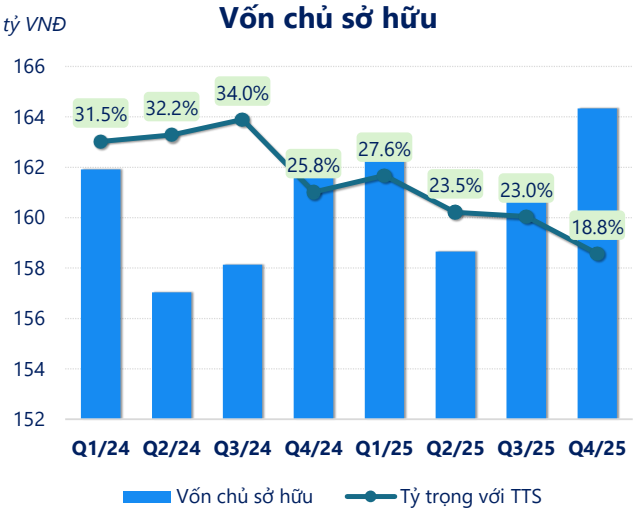
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



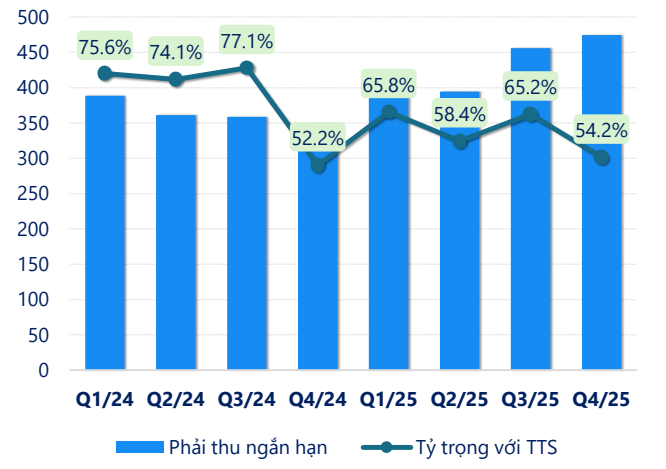
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



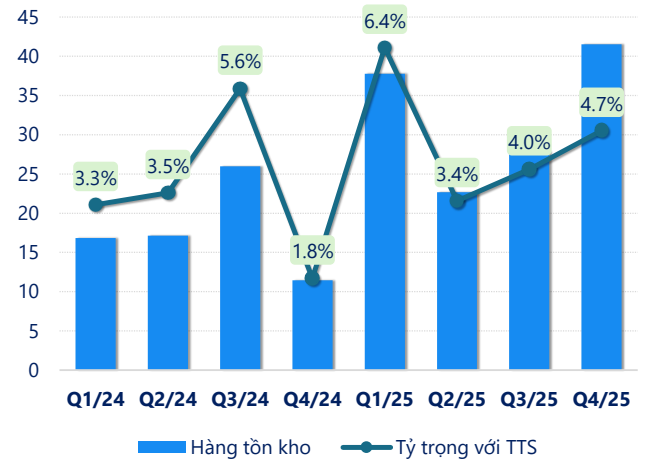
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



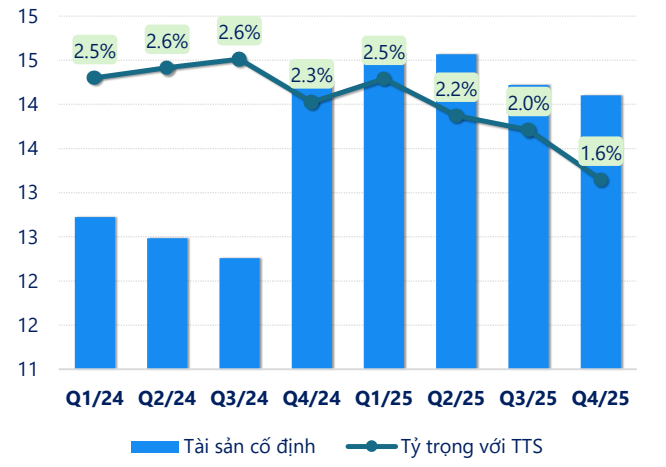
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



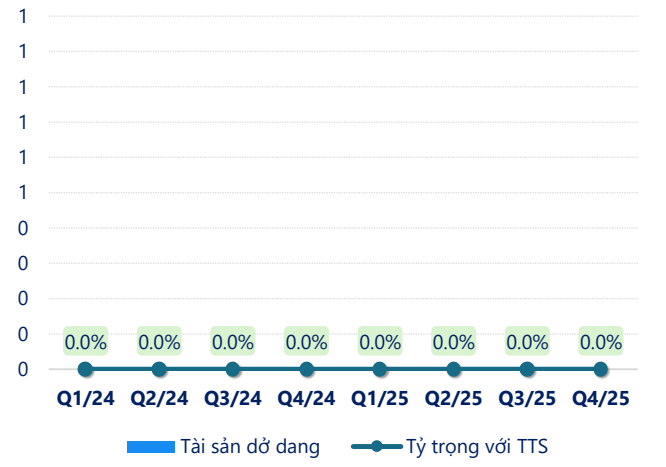
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



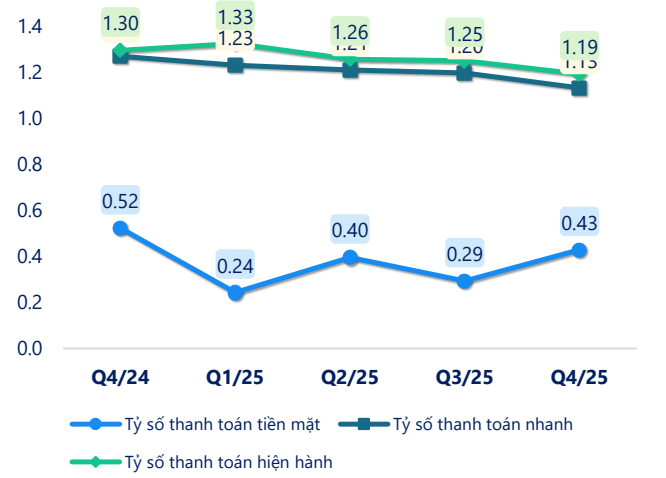
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



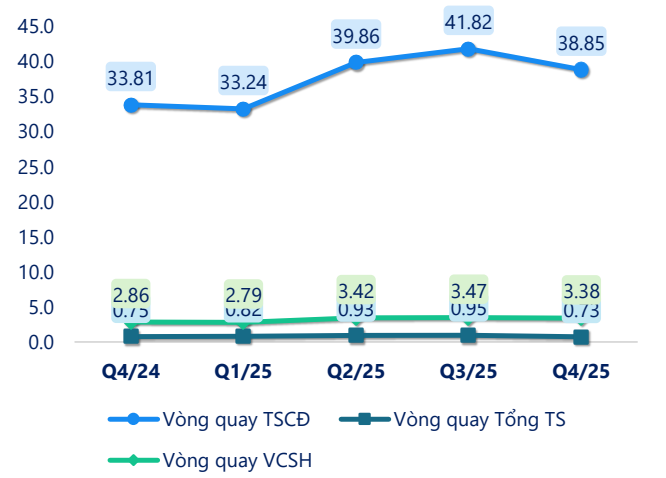
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**629**	**591**	**676**	**699**	**875**
Tài sản ngắn hạn	**574**	**535**	**621**	**645**	**820**
Tiền và tương đương tiền	232	98.3	196	151	295
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.22	1.22	1.22	0	0
Phải thu ngắn hạn	329	389	395	456	474
Hàng tồn kho	11.4	37.8	22.7	27.9	41.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	8.87	6.56	10.0	9.62
Tài sản dài hạn	**55.0**	**55.6**	**55.3**	**54.6**	**54.6**
Phải thu dài hạn	17.3	17.3	17.3	17.3	17.3
Tài sản cố định	14.3	14.6	14.6	14.2	14.1
Bất động sản đầu tư	13.1	13.0	12.8	12.7	12.5
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.19	6.15	6.26	6.26	6.76
Tài sản dài hạn khác	4.14	4.55	4.35	4.14	3.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**467**	**427**	**517**	**538**	**711**
Nợ ngắn hạn	**443**	**404**	**494**	**515**	**687**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.35	2.00	2.00	9.34	1.77
Phải trả người bán ngắn hạn	93.9	69.8	69.0	67.2	87.3
Nợ dài hạn	24.1	23.9	23.6	23.4	23.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**159**	**161**	**164**
Vốn chủ sở hữu	**162**	**163**	**159**	**161**	**164**
Vốn điều lệ	116	116	116	116	116
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)